

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

1. Thông tin chung về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo:
- + Tiếng Việt: **Việt Nam học**
- + Tiếng Anh: **Vietnamese Studies**
- Mã ngành đào tạo: 7310630
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Loại hình đào tạo: Chính quy
- Thời gian đào tạo: 04 năm
- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:
- Tiếng Việt: Cử nhân Việt Nam học
- Tiếng Anh: Bachelor of Arts in Vietnamese Studies
- Nơi đào tạo: Khoa Việt Nam học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Mục tiêu đào tạo

a. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo bậc đại học ngành Việt Nam học được xây dựng nhằm đào tạo ra các cá nhân có kiến thức tổng quát về lĩnh vực khoa học xã hội, nhân văn và hiểu biết tổng thể về đất nước, con người Việt Nam; nhìn Việt Nam trong bối cảnh khu vực và quốc tế; có kỹ năng làm việc chuyên nghiệp và thái độ quan tâm, trách nhiệm đối với sự phát triển của ngành Việt Nam học. Từ những gì đã học và rèn luyện, sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể tìm thấy công việc phù hợp, có khả năng vận dụng kiến thức lý thuyết vào thực tiễn nghề nghiệp; có tinh thần cầu tiến, khả năng tự học hỏi, làm việc nhóm và thích ứng với môi trường làm việc tại Việt Nam, có liên quan đến Việt Nam hoặc môi trường đa văn hoá.

b. Mục tiêu cụ thể (cụ thể hóa từ mục tiêu chung, gọi là cấp độ 2-X.x)

Sinh viên tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng và năng lực:

1. Kiến thức
 - Kiến thức tổng quát về lĩnh vực khoa học xã hội, nhân văn
 - Kiến thức tổng thể về đất nước, con người Việt Nam
 - Kiến thức chuyên sâu về tiếng Việt
2. Kỹ năng và phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp
 - Có thái độ sống tích cực, đạo đức tốt, trung thực, có lối sống lành mạnh, tuân thủ pháp luật.
 - Có ý thức và trách nhiệm với cộng đồng, với công việc.
 - Có kỹ năng hỗ trợ công việc

3. Mức độ tự chủ trong việc áp dụng kiến thức, kỹ năng

- Tôn trọng sự khác biệt về ngôn ngữ, văn hóa
- Phát triển được kiến thức về Việt Nam học trong môi trường làm việc, nghiên cứu đa văn hóa.

c. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

- Làm công tác nghiên cứu về Việt Nam học, Việt ngữ học và Phương pháp giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài.
- Làm công tác du lịch cho người nước ngoài có liên quan đến Việt Nam.
- Làm công tác ở các Lãnh sự quán, Đại sứ quán có liên quan đến Việt Nam, các tổ chức, đoàn thể, ban ngành có nghiên cứu và làm việc liên quan đến Việt Nam và Việt Nam học.
- Giảng dạy Việt Nam học, tiếng Việt cho người nước ngoài ở các cơ sở trong và ngoài nước.

3. Thông tin tuyển sinh

- **Đối tượng tuyển sinh:** Thí sinh là người nước ngoài đã tốt nghiệp trung học phổ thông, có Chứng chỉ Năng lực tiếng Việt tối thiểu bậc 2/6 (A2) do Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Chứng chỉ phải trong thời hạn 02 năm tính từ ngày cấp đến ngày nộp hồ sơ xét tuyển.

- **Hình thức tuyển sinh:** Theo các quy định của Đại học Quốc gia TP. HCM và của Nhà trường

4. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Cụ thể hóa từ mục tiêu cụ thể X.x)

Stt	Chuẩn đầu ra	Bậc trình độ năng lực
1.	Kiến thức	
1.1	Kiến thức tổng quan về lĩnh vực khoa học xã hội, nhân văn	
1.1.1	Khái quát hóa và diễn giải được kiến thức chung về khoa học xã hội và nhân văn trong thực tiễn nghiên cứu Việt Nam học và khu vực học.	2.0
1.1.2	Trình bày được hệ thống tri thức khoa học cơ bản về lý luận chính trị, bao gồm những nguyên lý của Chủ nghĩa Marx – Lenine, Tư tưởng Hồ Chí Minh và Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, làm nền tảng nghiên cứu Việt Nam học.	3.0
1.2	Kiến thức tổng thể về đất nước, con người Việt Nam	
1.2.1	Sử dụng được các kiến thức về lịch sử, xã hội, kinh tế, văn hóa, văn học, mỹ thuật, âm nhạc để nghiên cứu Việt Nam học trong khoa học liên ngành.	3.0
1.3	Kiến thức tổng quát về tiếng Việt	
1.3.1	Sử dụng được tiếng Việt trong giao tiếp và nghiên cứu Việt Nam học	4.0
1.3.2	Giải thích được các ngữ cảnh, tình huống giao tiếp tiếng Việt	4.0
2.	Kỹ năng, nhận thức cá nhân và nghề nghiệp	
2.1	Có thái độ sống tích cực, đạo đức tốt, trung thực; có lối sống lành mạnh, tuân thủ pháp luật.	
2.1.1	Tuân thủ theo pháp luật và các nguyên tắc chuẩn mực đạo đức, trung thực trong công việc, nghiên cứu	3.0

2.2	<i>Có ý thức và trách nhiệm với cộng đồng, với công việc</i>	
2.2.1	Thể hiện tinh thần hòa nhập, hòa đồng; thích ứng với môi trường làm việc có sự khác biệt về văn hóa, ngôn ngữ	3.0
2.2.2	Thể hiện trách nhiệm vì cộng đồng, dân tộc, thúc đẩy giao lưu văn hóa giữa Việt Nam và các quốc gia	3.0
2.3	<i>Kỹ năng hỗ trợ công việc</i>	
2.3.1	Áp dụng kỹ năng làm việc nhóm trong giải quyết vấn đề công việc	3.0
2.3.2	Nhận diện và lựa chọn được cách thức giải quyết vấn đề trong công việc liên quan	3.0
3	Mức độ tự chủ trong việc áp dụng kiến thức, kỹ năng	
3.1	Thể hiện một cách có trách nhiệm các công việc liên quan đến học tập, nghiên cứu trong lĩnh vực Việt Nam học.	3.0
3.2	Vận dụng được kiến thức chuyên ngành trong môi trường làm việc, nghiên cứu đa văn hóa.	4.0

Thang trình độ năng lực

Bậc	Nội dung bậc năng lực
1	Có biết/có nghe qua
2	Khái quát, tuân thủ
3	Hiểu, sử dụng, áp dụng, thể hiện, trình bày, lập kế hoạch
4	Phân tích, giải thích, vận dụng
5	Có khả năng sáng tạo, Có thể hướng dẫn người khác

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp (ghi rõ theo quy chế đào tạo nào, số quyết định, ngày ban hành)

5.1 Quy chế đào tạo

Chương trình giáo dục đại học ngành Việt Nam học được tổ chức dựa theo các văn bản sau:

- “Quy chế đào tạo đại học” được ban hành kèm theo Quyết định số 262/QĐ-ĐHQG ngày 20/4/2017 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

- “Quy chế đào tạo trình độ đại học” được ban hành theo Quyết định số 268/QĐ-XHNV-ĐT ngày 14/07/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TPHCM.

- “Quy chế quản lý người nước ngoài học tập tại Việt Nam” của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 30/2018/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5.2 Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên hội đủ những điều kiện sau đây được Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh xem xét cấp bằng Cử nhân ngành Việt Nam học:

- Sinh viên tích lũy đủ số lượng tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo (tổng cộng tối thiểu 123 tín chỉ cho toàn khoá học).

- Có chứng chỉ Tin học đại cương.

- Không bị kỷ luật, không nợ học phí, sách của Thư viện v.v. theo quy định của Trường.

6. Thang điểm (theo thang điểm chính thức của trường).

Thang điểm 10. Điểm kiểm tra, điểm thi cuối môn học được tính theo thang điểm 10, làm tròn đến 0,5. Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được lấy đến 2 chữ số thập phân.

7. Khối lượng kiến thức toàn khoá

Chương trình đào tạo cử nhân Việt Nam học cho sinh viên nước ngoài được thiết kế với khối lượng kiến thức tối thiểu cho toàn khoá học là 123 tín chỉ, gồm hai khối kiến thức: kiến thức giáo dục đại cương (29 tín chỉ) và kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (94 tín chỉ). Ngoài 123 tín chỉ này, sinh viên cần phải nộp **Chứng chỉ Tin học đại cương** trước khi Nhà trường xét điều kiện cấp bằng tốt nghiệp.

Thực tập thực tế và khoá luận tốt nghiệp thuộc kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: Thực tập - thực tế được tính bằng 06 tín chỉ (Thực tế: 3 tín chỉ, Thực tập: 3 tín chỉ); khoá luận tốt nghiệp được tính bằng 10 tín chỉ (dành cho sinh viên đủ điều kiện được chọn làm khoá luận tốt nghiệp).

Sinh viên nước ngoài được miễn 02 học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng.

Chương trình đào tạo cử nhân Việt Nam học có khối lượng kiến thức tổng quát cho toàn khoá như sau:

TT	Các khối kiến thức	Loại môn học		Khối lượng	
		Bắt buộc	Tự chọn	Số tín chỉ	%
I	Khối kiến thức giáo dục đại cương	23	6	29	23,58%
II	Khối kiến thức cơ sở ngành	60	0	60	48,78%
III	Kiến thức chuyên ngành	24	10	34	27,64%
IV	Kiến thức bổ trợ				
V	Khóa luận/luận văn tốt nghiệp				
	Tổng cộng:	107	16	123	100%

8. Nội dung chương trình đào tạo

Stt	Mã MH	Tên môn học (MH)		Loại MH (bắt buộc/tự chọn)	Tín chỉ			Phòng TN/ (**) Số tiết
		Tiếng Việt	Tiếng Anh		Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành/Thí nghiệm	
I	Kiến thức giáo dục đại cương							
	1.1 Các môn lý luận chính trị			Bắt buộc	11			
1	DAI047	Triết học Mác–Lênin	(Marxist - Leninist Philosophy)	Bắt buộc	03	03	0	45
2	DAI048	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	(Marxist - Leninist Political Economy)	Bắt buộc	02	02	0	30
3	DAI049	Chủ nghĩa xã hội khoa học	(Scientific Socialism)	Bắt buộc	02	02	0	30
4	DAI050	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	(History of Vietnam Communist Party)	Bắt buộc	02	02	0	30
5	DAI051	Tư tưởng Hồ Chí Minh	(Ho Chi Minh Ideology)	Bắt buộc	02	02	0	30
	1.2 Các môn nhân văn – nghệ thuật				18			
		* Nhóm học phần bắt buộc		Bắt buộc	12			
6	DAI013	Dẫn luận Ngôn ngữ học	(Introduction to Linguistics)	Bắt buộc	02	02	0	30
7	DAI012	Cơ sở văn hoá Việt Nam	(Introduction to Vietnamese Culture)	Bắt buộc	02	02	0	30
8	DAI016	Lịch sử văn minh thế giới	(History of World Civilization)	Bắt buộc	03	03	0	45
9	DAI017	Tiến trình lịch sử Việt Nam	(Process of Vietnamese History)	Bắt buộc	03	03	0	45

10	DAI033	Phương pháp nghiên cứu khoa học	(Research Methodology)	Bắt buộc	02	01	1	45
		* Nhóm học phần tự chọn (Sinh viên chọn 6 tín chỉ trong số các học phần dưới đây)		Tự chọn	6			
11	DAI024	Pháp luật đại cương	(Introduction to General Law)	Tự chọn	02	01	1	45
12	DAI023	Nhân học đại cương	(Introduction to Anthropology)	Tự chọn	02	02	0	30
13	DAI021	Xã hội học đại cương	(Introduction to Sociology)	Tự chọn	02	02	0	30
14	DAI022	Tâm lý học đại cương	(Introduction to Psychology)	Tự chọn	02	02	0	30
15	DAI006	Môi trường và phát triển	(Environment and Development)	Tự chọn	02	02	0	30
II	Kiến thức cơ sở ngành			Bắt buộc	60			
16	VNH021.1	Tiếng Việt trung cấp: Đọc	(Intermediate Vietnamese: Reading)	Bắt buộc	05	05	0	75
17	VNH022.1	Tiếng Việt trung cấp: Nghe	(Intermediate Vietnamese: Listening)	Bắt buộc	05	05	0	75
18	VNH024.1	Tiếng Việt trung cấp: Nói	(Intermediate Vietnamese: Speaking)	Bắt buộc	05	05	0	75
19	VNH023.1	Tiếng Việt trung cấp: Viết	(Intermediate Vietnamese: Writing)	Bắt buộc	05	05	0	75
20	VNH030.1	Tiếng Việt nâng cao: Đọc	(Advanced Vietnamese: Reading)	Bắt buộc	05	05	0	75
21	VNH031.1	Tiếng Việt nâng cao: Nghe	(Advanced Vietnamese: Listening)	Bắt buộc	05	05	0	75
22	VNH032.1	Tiếng Việt nâng cao: Nói	(Advanced Vietnamese: Speaking)	Bắt buộc	05	05	0	75

23	VNH033.1	Tiếng Việt nâng cao: Viết	(Advanced Vietnamese: Writing)	Bắt buộc	05	05	0	75
24	VNH025.1	Tiếng Việt học thuật: Đọc	(Academic Vietnamese: Reading)	Bắt buộc	05	05	0	75
25	VNH026.1	Tiếng Việt học thuật: Nghe	(Academic Vietnamese: Listening)	Bắt buộc	05	05	0	75
26	VNH027.1	Tiếng Việt học thuật: Nói	(Academic Vietnamese: Speaking)	Bắt buộc	05	05	0	75
27	VNH028.1	Tiếng Việt học thuật: Viết	(Academic Vietnamese: Writing)	Bắt buộc	05	05	0	75
III	Kiến thức chuyên ngành				34			
	Kiến thức chung của ngành - nhóm học phần bắt buộc			Bắt buộc	24			
28	VNH015	Nhập môn khu vực học và Việt Nam học	(Introduction to Area and Vietnamese Studies)	Bắt buộc	02	02	0	30
29	VNH092	Nhập môn Đất nước Việt Nam	(Introduction to Vietnam)	Bắt buộc	02	02	0	30
30	VNH087	Ẩm thực, trang phục Việt Nam	(Vietnamese Food and Costumes)	Bắt buộc	02	02	0	30
31	VNH037	Văn hoá giao tiếp Việt Nam	(Vietnamese Communication Culture)	Bắt buộc	02	02	0	30
32	VNH053	Đại cương văn học Việt Nam	(Introduction to Vietnamese Literature)	Bắt buộc	03	03	0	45
33	VNH046.1	Văn học dân gian Việt Nam	(Vietnamese Folk Literature)	Bắt buộc	02	02	0	30
34	VNH004	Liên kết và soạn thảo văn bản tiếng Việt	(Vietnamese Connectives and Writing)	Bắt buộc	02	02	0	30
35	VNH052	Ngữ pháp tiếng Việt	(Vietnamese Grammar)	Bắt buộc	03	03	0	45

36	VNH049	Thực tế	(Field Trip)	Bắt buộc	03	0	03	90
37	VNH048	Thực tập hướng nghiệp	(Internship)	Bắt buộc	03	0	03	90
	Kiến thức chuyên sâu của ngành - Nhóm học phân tự chọn: Sinh viên chọn 10 tín chỉ trong các học phần sau đây (đối với SV không làm khoá luận tốt nghiệp)			Tự chọn	10			
38	VNH041	Hệ thống chính trị Việt Nam hiện đại	(Modern Political System of Vietnam)	Tự chọn	02	02	0	30
39	VNH064	Mỹ thuật, âm nhạc Việt Nam	(Vietnamese Music and Fine arts)	Tự chọn	02	02	0	30
40	VNH088	Di tích và thắng cảnh Việt Nam	(Vietnamese Monuments and Landscapes)	Tự chọn	02	02	0	30
41	VNH011	Lý thuyết dịch	(Translation Theory)	Tự chọn	02	02	0	30
42	VNH093	Biên phiên dịch tiếng Việt 1	(Vietnamese translation 1)	Tự chọn	02	02	0	30
43	VNH089	Biên phiên dịch tiếng Việt 2	(Vietnamese translation 2)	Tự chọn	02	02	0	30
44	VNH020	Tiếng Việt trong những vấn đề đương đại	(Vietnamese in contemporary matters)	Tự chọn	02	02	0	30
45	VNH029	Tiếng Việt thương mại	(Business Vietnamese)	Tự chọn	02	02	0	30
46	VNH012	Ngữ âm tiếng Việt	(Vietnamese Phonetics)	Tự chọn	02	02	0	30
47	VNH091	Ngữ dụng học tiếng Việt	(Vietnamese Pragmatics)	Tự chọn	02	02	0	30
IV	Kiến thức bổ trợ							
V	Khóa luận/luận văn tốt nghiệp			Tự chọn	10	10	0	150
	Tổng số (tín chỉ)				123			2325

9. Khả năng liên thông với các chương trình đào tạo khác

Sinh viên tốt nghiệp cử nhân ngành Việt Nam học có thể liên thông với chương trình đào tạo đại học hoặc sau đại học các ngành:

- Văn hóa học
- Nhân học
- Văn học
- Lịch sử
- Dân tộc học
- Khảo cổ học
- Ngôn ngữ học
- Báo chí học

10. Dự kiến kế hoạch giảng dạy (phân bố các môn học theo từng học kỳ)

Học kỳ	Mã MH	Tên MH		Loại MH (bắt buộc /tự chọn)	Tín chỉ			Phòng TN (**)/ Số tiết	Ghi chú
		Tiếng Việt	Tiếng Anh (*)		Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành/Thí nghiệm		
I (20 tín chỉ)	VNH021.1	Tiếng Việt trung cấp: Đọc	(Intermediate Vietnamese: Reading)	Bắt buộc	05	05		75	
	VNH022.1	Tiếng Việt trung cấp: Nghe	(Intermediate Vietnamese: Listening)	Bắt buộc	05	05		75	
	VNH024.1	Tiếng Việt trung cấp: Nói	(Intermediate Vietnamese: Speaking)	Bắt buộc	05	05		75	
	VNH023.1	Tiếng Việt trung cấp: Viết	(Intermediate Vietnamese: Writing)	Bắt buộc	05	05		75	
II (20 tín chỉ) (Điều kiện:	VNH030.1	Tiếng Việt nâng cao: Đọc	(Advanced Vietnamese: Reading)	Bắt buộc	05	05		75	
	VNH031.1	Tiếng Việt nâng cao:	(Advanced Vietnamese:	Bắt buộc	05	05		75	

SV phải tích lũy được các học phần ở học kỳ thứ 1)		Nghe	Listening)						
	VNH032.1	Tiếng Việt nâng cao: Nói	(Advanced Vietnamese: Speaking)	Bắt buộc	05	05		75	
	VNH033.1	Tiếng Việt nâng cao: Viết	(Advanced Vietnamese: Writing)	Bắt buộc	05	05		75	
III (20 tín chỉ) (Điều kiện: SV phải tích lũy được các học phần ở học kỳ thứ 2)	VNH025.1	Tiếng Việt học thuật: Đọc	(Academic Vietnamese: Reading)	Bắt buộc	05	05		75	
	VNH026.1	Tiếng Việt học thuật: Nghe	(Academic Vietnamese: Listening)	Bắt buộc	05	05		75	
	VNH027.1	Tiếng Việt học thuật: Nói	(Academic Vietnamese: Speaking)	Bắt buộc	05	05		75	
	VNH028.1	Tiếng Việt học thuật: Viết	(Academic Vietnamese: Writing)	Bắt buộc	05	05		75	
IV (15 tín chỉ) (Điều kiện: SV phải tích lũy được các học phần ở học kỳ thứ 3)	DAI047	Triết học Mác–Lênin	(Marxist - Leninist Philosophy)	Bắt buộc	03	03		45	
	DAI013	Dẫn luận Ngôn ngữ học	(Introduction to Linguistics)	Bắt buộc	02	02		30	
	DAI016	Lịch sử văn minh thế giới	(History of World Civilization)	Bắt buộc	03	03		45	
	VNH087	Ẩm thực, trang phục Việt Nam	(Vietnamese Food and Costumes)	Bắt buộc	02	02		30	
	DAI033	Phương pháp nghiên cứu khoa học	(Research Methodology)	Bắt buộc	02	01	01	45	
	DAI017	Tiến trình lịch sử Việt Nam	(Process of Vietnamese History)	Bắt buộc	03	03		45	
V	DAI048	Kinh tế chính trị Mác –	(Marxist - Leninist Political	Bắt buộc	02	02		30	

(16 tín chỉ)		Lênin	Economy)						
	DAI049	Chủ nghĩa xã hội khoa học	(Science Socialism)	Bắt buộc	02	02		30	
	DAI012	Cơ sở văn hoá Việt Nam	(Introduction to Vietnamese Culture)	Bắt buộc	02	02		30	
	DAI050	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	(History of Vietnam Communist Party)	Bắt buộc	02	02		30	
	DAI051	Tư tưởng Hồ Chí Minh	(Ho Chi Minh Ideology)	Bắt buộc	02	02		30	
	VNH092	Nhập môn Đất nước Việt Nam	(Introduce to Vietnam)	Bắt buộc	02	02		30	
	VNH004	Liên kết và soạn thảo văn bản tiếng Việt	(Vietnamese Connectives and Writing)	Bắt buộc	02	02		30	
	DAI024	Pháp luật đại cương	(Introduction to General Law)	Tự chọn	02	01	01	45	
	DAI021	Xã hội học đại cương	(Introduction to Sociology)	Tự chọn	02	02		30	
VI (14 tín chỉ)	VNH050	Đại cương văn học Việt Nam	(Introduction to Vietnamese Literature)	Bắt buộc	03	03		45	
	VNH015	Nhập môn khu vực học và Việt Nam học	(Introduction to Area and Vietnamese Studies)	Bắt buộc	02	02		30	
	VNH037	Văn hóa giao tiếp Việt Nam	(Vietnamese Communication Culture)	Bắt buộc	02	02		30	
	VNH046.1	Văn học dân gian Việt Nam	(Vietnamese Folk Literature)	Bắt buộc	02	02		30	
	VNH049	Thực tế	(Fieldtrip)	Bắt buộc	03		03	90	
	DAI006	Môi trường và phát triển	(Environment and Development)	Tự chọn	02	02		30	

	DAI023	Nhân học đại cương	(Introduction to Anthropology)	Tự chọn	02	02	0	30	
VII (12 tín chỉ)	VNH052	Ngữ pháp tiếng Việt	(Vietnamese Grammar)	Bắt buộc	03	03		45	
	VNH048	Thực tập	(Internship)	Bắt buộc	03		03	90	
	VNH011	Lý thuyết dịch	(Translation Theory)	Tự chọn	02	02	0	30	
	VNH093	Biên phiên dịch tiếng Việt 1	(Vietnamese translation 1)	Tự chọn	02	02	0	30	
	DAI022	Tâm lý học đại cương	(Introduction to Psychology)	Tự chọn	02	02	0	30	
	VNH012	Ngữ âm tiếng Việt	(Vietnamese Phonetics)	Tự chọn	02	02	0	30	
VIII (10 tín chỉ của 5 môn chuyên ngành tự chọn Hoặc Khóa luận tốt nghiệp)	VNH041	Hệ thống chính trị Việt Nam hiện đại	(Modern Political System of Vietnam)	Tự chọn	02	02		30	
	VNH064	Mỹ thuật, âm nhạc Việt Nam	(Vietnamese Music and Fine arts)	Tự chọn	02	02		30	
	VNH088	Di tích và thắng cảnh Việt Nam	(Vietnamese Relics and Landscapes)	Tự chọn	02	02		30	
	VNH020	Tiếng Việt trong những vấn đề đương đại	(Vietnamese in contemporary matters)	Tự chọn	02	02		30	
	VNH029	Tiếng Việt thương mại	(Business Vietnamese)	Tự chọn	02	02		30	
	VNH091	Ngữ dụng học tiếng Việt	(Vietnamese Pragmatics)	Tự chọn	02	02	0	30	
	VNH089	Biên phiên dịch tiếng Việt 2	(Vietnamese translation 2)	Tự chọn	02	02	0	30	
	Tổng				123				

Ma trận các môn học và chuẩn đầu ra (kỹ năng)

(Danh sách các môn học được hệ thống theo học kỳ và phân bổ giảng dạy các kỹ năng vào các môn học: mức độ giảng dạy và trình độ năng lực yêu cầu với môn học theo trình độ năng lực)

HK	Tên môn học	Chuẩn đầu ra											
		1. Kiến thức					2. Kỹ năng, nhận thức					3. Mức độ tự chủ	
		1.1		1.2	1.3		2.1	2.2		2.3		3.1	3.2
		1. 1. 1	1. 1. 2	1.2 .1	1. 3. 1	1. 3. 2	2. 1. 1	2. 2. 1	2. 2. 2	2. 3. 1	2. 3. 2		
I	Tiếng Việt trung cấp: Đọc				2								
	Tiếng Việt trung cấp: Nghe				2								
	Tiếng Việt trung cấp: Nói				2								
	Tiếng Việt trung cấp: Viết				2								
II	Tiếng Việt nâng cao: Đọc				3	2							
	Tiếng Việt nâng cao: Nghe				3	2							
	Tiếng Việt nâng cao: Nói				3	2							
	Tiếng Việt nâng cao: Viết				3	2							
III	Tiếng Việt học thuật: Đọc				4	3				2			
	Tiếng Việt học thuật: Nghe				4	3				2			
	Tiếng Việt học thuật: Nói				4	3				2			
	Tiếng Việt học thuật: Viết				4	3				2			
IV	Triết học Mác-Lênin		2										
	Dẫn luận Ngôn ngữ học	2		3									
	Lịch sử văn minh thế giới	2		3									
	Âm thực, trang phục Việt Nam			3							2		
	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2					2				2	3	
V	Tiến trình lịch sử Việt Nam	2		3									
	Kinh tế chính trị Mác – Lênin		2										
	Chủ nghĩa xã hội khoa học		2										
	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2					3						
	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		3										

HK	Tên môn học	1. Kiến thức						2. Kỹ năng, nhận thức				3. Mức độ tự chủ	
		1.1		1.2	1.3		2.1	2.2		2.3		3.1	3.2
		1.1 .1	1.1 .2	1.2 .1	1.3 .1	1.3. 2	2.1 .1	2.2. 1	2.2. 2	2.3. 1	2.3. 2		
	Tư tưởng Hồ Chí Minh		3						3				
	Pháp luật đại cương	2					2				3		
	Xã hội học đại cương	2									3		
VI	Đại cương văn học Việt Nam			3									
	Nhập môn Đất nước Việt Nam			3					3				3
	Liên kết và soạn thảo văn bản tiếng Việt				3	3							
	Môi trường và phát triển	2							3				
	Nhân học đại cương	2											
	Thực tế									2	3	3	
VII	Nhập môn khu vực học và Việt Nam học	2		3				3	3				3
	Ngữ pháp tiếng Việt					3							
	Văn hóa giao tiếp Việt Nam			3	3						3		4
	Văn học dân gian Việt Nam	2		3									
	Thực tập				3	4	2	3		2	3	3	
	Lý thuyết dịch									2			4
	Biên phiên dịch tiếng Việt 1							3		1			4
	Tâm lý học đại cương	2											
	Ngữ âm tiếng Việt					3							
VIII	Hệ thống chính trị Việt Nam hiện đại		3	3			2						
	Mỹ thuật, âm nhạc Việt Nam			3									
	Di tích và thắng cảnh Việt Nam			3									
	Tiếng Việt trong những vấn đề đương đại					4					3		
	Tiếng Việt thương mại				3	4		3		2			
	Ngữ dụng học tiếng Việt					4	4				3		
	Biên phiên dịch tiếng Việt 2							3		2			4

Thang trình độ năng lực

Trình độ năng lực	Mô tả
0.0 -> 2.0	Có biết qua/có nghe qua
2.0 -> 3.0	Có hiểu biết/có thể tham gia
3.0 -> 3.5	Có khả năng ứng dụng
3.5 -> 4.0	Có khả năng phân tích
4.0 -> 4.5	Có khả năng tổng hợp
4.5 -> 5.0	Có khả năng đánh giá

11. Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng các môn học

1. Triết học Mác-Lênin (Marxist - Leninist Philosophy)

- Số tín chỉ: 03 tín chỉ lý thuyết
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Không có
- Mô tả nội dung môn học: Vị trí của môn học trong Chương trình đào tạo là môn học đầu tiên trong cấu tạo khung chương trình thống nhất các môn Lý luận chính trị trong trường đại học, cao đẳng, được bố trí học năm thứ nhất trình độ đào tạo đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

Việc nắm vững những nội dung cơ bản của thế giới quan và phương pháp luận triết học của chủ nghĩa Mác-Lênin chẳng những là điều kiện tiên quyết để nghiên cứu toàn bộ hệ thống lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin mà còn là để vận dụng nó một cách sáng tạo trong hoạt động nhận thức khoa học, giải quyết những vấn đề cấp bách của thực tiễn đất nước và thời đại.

Nội dung chính yếu của môn học bao gồm:

- Triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội;
- Chủ nghĩa duy vật biện chứng;
- Chủ nghĩa duy vật lịch sử.

2. Kinh tế chính trị Mác – Lênin (Marxist - Leninist Political Economy)

- Số tín chỉ: 02 tín chỉ lý thuyết
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Triết học Mác - Lênin
- Mô tả nội dung môn học: Môn học thuộc khối kiến thức cơ bản; trang bị cho người học quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về các quy luật cơ bản chi phối sự vận động của nền kinh tế sản xuất hàng hóa trong giai đoạn tư bản chủ nghĩa; sự vận dụng lý thuyết kinh tế chính trị Mác - Lênin ở Việt Nam hiện nay. Môn học giúp người học có năng lực vận dụng các lý thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác - Lênin để lý giải các hiện tượng, các quá trình kinh tế đã và đang xảy ra trong nền kinh tế thế giới và nền kinh tế Việt Nam.

3. Chủ nghĩa xã hội khoa học (Science Socialism)

- Số tín chỉ: 02 tín chỉ lý thuyết
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Triết học Mác- Lê nin, Kinh tế chính trị Mác Lê nin
- Mô tả nội dung môn học: Môn học thuộc khối kiến thức đại cương của chương trình Quản trị văn phòng.

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Chủ nghĩa xã hội khoa học

4. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (History of Vietnam Communist Party)

- Số tín chỉ: 02 tín chỉ lý thuyết
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Tiến trình Lịch sử Việt Nam
- Mô tả nội dung môn học: Môn học trình bày tổng quan về lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về sự ra đời của Đảng, về hoạt động lãnh đạo của Đảng qua các thời kỳ lịch sử và các bài học kinh nghiệm được rút ra từ quá trình lãnh đạo của Đảng

5. Tư tưởng Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh Ideology)

- Số tín chỉ: 02 tín chỉ lý thuyết
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin.
- Mô tả nội dung môn học: Tư tưởng Hồ Chí Minh là môn học bắt buộc, cung cấp những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác – Lênin, những nội dung có tính hệ thống về tư tưởng, giá trị văn hóa và đạo đức của Hồ Chí Minh; giúp sinh viên tạo lập những hiểu biết về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và cách mạng Việt Nam; có kỹ năng vận dụng lí luận, phương pháp và phương pháp luận của Hồ Chí Minh để nghiên cứu, phân tích các vấn đề chính trị, xã hội của Việt Nam.

Góp phần giáo dục lòng tự hào dân tộc và tình cảm đối với Đảng, với Bác Hồ; xác lập ý thức trách nhiệm và thái độ tích cực tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; vận dụng nội dung kiến thức đã học để tham gia cuộc vận động và thực hành “*Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*”.

6. Dẫn luận Ngôn ngữ học (Introduction to Linguistics)

- Số tín chỉ: 02 tín chỉ lý thuyết
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Sinh viên phải tích lũy những kiến thức cơ bản về tiếng Việt ở trình độ trung cấp, nâng cao và học các học phần Tiếng Việt học thuật; có khả năng nghe - hiểu và đọc - hiểu những tài liệu về dẫn luận ngôn ngữ học ở mức trung bình.
- Mô tả nội dung môn học: Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ sở về ngôn ngữ học và Việt ngữ học, từ đó sinh viên có thể hiểu sâu hơn về ngoại ngữ mà họ đang học.
 - Về kiến thức, sinh viên được cung cấp kiến thức tổng luận về ngôn ngữ học (như bản chất, chức năng, nguồn gốc, sự phát triển của ngôn ngữ, hệ thống tín hiệu ngôn ngữ, v.v.) và kiến thức về các phân ngành của ngôn ngữ học liên quan đến tiếng Việt (ngữ âm, từ vựng - ngữ nghĩa, ngữ pháp, v.v.)
 - Về kỹ năng, học phần này giúp sinh viên nâng cao các thao tác thực hành tiếng Việt như phát âm chuẩn, phân biệt âm vị và âm tố; phân biệt được đa nghĩa và đồng âm, xác định cơ cấu nghĩa của từ; phân loại câu, viết câu đúng ngữ pháp, v.v.

7. Cơ sở văn hoá Việt Nam (Introduction to Vietnamese Culture)

- Số tín chỉ: 02 tín chỉ lý thuyết
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Các môn lý luận chính trị thuộc kiến thức giáo dục đại cương
- Mô tả nội dung môn học: Môn Cơ sở văn hóa Việt Nam thuộc nhóm học phần kiến thức Đại cương trong chương trình đào tạo cử nhân ngành Việt Nam học cho sinh viên nước ngoài.
- Mục đích và nội dung chủ yếu của môn học:

Học xong môn này, sinh viên sẽ biết và trình bày được những nội dung cơ bản và có thể khái quát một cách hệ thống về các cơ sở hình thành đặc điểm văn hóa Việt Nam, lịch sử văn hóa Việt Nam và đặc điểm văn hóa Việt Nam qua các thời kỳ.

Sau khi học tập môn này, sinh viên cũng biết được và nhận thức rõ về Việt Nam, bản sắc văn hóa Việt Nam và có thể tự mình tìm hiểu, phân tích một đặc điểm, một hiện tượng của văn hóa Việt Nam.

8. Lịch sử văn minh thế giới (History of World Civilization)

- Số tín chỉ: 03 tín chỉ lý thuyết
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước:
- Mô tả nội dung môn học: - Môn học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức nhất định về các nền văn minh trên thế giới tồn tại từ giai đoạn cổ đại đến hiện đại. Những thành tựu của các nền văn minh này đã có ảnh hưởng nhất định đến xã hội loài người.
- Trình bày được các vấn đề cơ bản về các thành tựu vật chất, tinh thần, kỹ thuật...trong tiến trình lịch sử văn minh nhân loại.
- Trình bày được những nội dung cơ bản trong các nền văn minh thế giới từ cổ đại cho đến nay...
- Trình bày được khái quát về các bước ngoặt chuyển biến trong lịch sử văn minh nhân loại từ châu Âu, Bắc Mỹ, Á, Phi, Mỹ Latinh và những khu vực còn lại trên thế giới.
- Học xong sinh viên có thể vận dụng được kiến thức từ môn học vào thực tiễn. Trên cơ sở kiến thức về lịch sử văn minh nhân loại đó, sinh viên có cơ sở và khả năng giải quyết được những vấn đề trong văn minh hiện đại, ví dụ như phát triển bền vững, các giải quyết những vấn đề lớn của nhân loại đã và đang được đặt ra như vấn đề ô nhiễm do phát triển, vấn đề biến đổi khí hậu, vấn đề bảo vệ các giá trị văn minh nhân loại...

9. Tiến trình lịch sử Việt Nam (Process of Vietnamese History)

- Số tín chỉ: 03 tín chỉ lý thuyết
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước:
- Mô tả nội dung môn học: Môn học trang bị kiến thức đại cương về quá trình lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến hiện đại. Sinh viên được hiểu biết về sự vận động, phát triển của lịch sử xã hội Việt Nam. Sinh viên vận dụng kiến thức về lịch sử vào việc phân tích lý giải những vấn đề khoa học liên quan đến ngành học và môn học. Nội dung nghiên cứu chính về quá dựng nước, giữ nước và đấu tranh giành độc lập của dân tộc Việt Nam; các nền văn minh, các quốc gia cổ trên đất nước Việt Nam; tình hình kinh tế - văn hóa - xã hội Việt Nam qua các thời kỳ; công cuộc đổi mới, phát triển và hội nhập của Việt Nam.

10. Phương pháp nghiên cứu khoa học (Research Methodology)

- Số tín chỉ: 02 tín chỉ (01 tín chỉ lý thuyết, 01 tín chỉ thực hành)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước:
- Mô tả nội dung môn học: Môn học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các phương pháp nghiên cứu trong các khoa học xã hội. Môn học giúp người học hiểu được bản chất logic của nghiên cứu khoa học, nắm vững được kỹ năng nghiên cứu khoa học. Bên cạnh đó, kiến thức môn học sẽ giúp sinh viên biết cách viết đề cương nghiên cứu khoa học, tổ chức thực hiện một đề tài nghiên cứu khoa học.

11. Pháp luật đại cương (Introduction to General Law)

- Số tín chỉ: : 02 tín chỉ (01 tín chỉ lý thuyết, 01 tín chỉ thực hành)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước:
- Mô tả nội dung môn học: Môn học Pháp luật Việt Nam nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản về pháp luật Việt Nam, để người học hiểu rõ những khái niệm cơ bản về pháp luật (như khái niệm, bản chất của pháp luật, Quan hệ pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý) là nền tảng để tiếp cận một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Theo đó giúp người học là sinh viên nước ngoài có khả năng hiểu biết cơ bản, vận dụng những quy định của pháp luật như: Hiến pháp (bộ máy nhà nước Việt Nam), luật hành chính (về Luật xuất cảnh, xuất cảnh, quá cảnh và cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam), Luật Dân sự, luật Hôn nhân và gia đình, luật lao động.

12. Nhân học đại cương (Introduction to Anthropology)

- Số tín chỉ: 02 tín chỉ lý thuyết
 - Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Những nguyên lý của CN Mác Lênin
 - Mô tả nội dung môn học: Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức về sự tiến hoá của người về mặt sinh học và văn hoá; tộc người và quá trình tộc người; các kiến thức tổng quan về văn hoá, tôn giáo, kinh tế, hôn nhân, gia đình, phân tầng xã hội
- Ngoài ra, môn học còn cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Nhân học ứng dụng.

13. Xã hội học đại cương (Introduction to Sociology)

- Số tín chỉ: 02 tín chỉ lý thuyết
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Các môn thuộc khối kiến thức đại cương
- Mô tả nội dung môn học: Môn học này nhằm cung cấp cho sinh viên những khái niệm cơ bản, 2 cách tiếp cận đặc trưng của XHH (vĩ mô và vi mô) cũng như mối quan hệ giữa cá nhân, các nhóm xã hội và các thiết chế xã hội. Thông qua việc nắm vững các nội dung môn học sau:
 - Cách tiếp cận và các đặc tính của xã hội học, phân biệt XHH với khoa học tự nhiên và với các ngành KHXX khác.
 - Giới thiệu về các lý thuyết và PPNC XHH
 - Giới thiệu về các khái niệm cơ bản như văn hóa, cấu trúc xã hội và tính đa dạng của XH.
 - Xã hội hóa và các tính chất của xã hội hóa
 - Cấu trúc nhóm và tổ chức xã hội cũng như các loại nhóm và tổ chức
 - Lịch chuẩn và kiểm soát xã hội
 - Bất bình đẳng XH và phân tầng XH: chiều cạnh và các đặc điểm
 - Thiết chế xã hội: các thiết chế cơ bản và các đặc điểm

14. Tâm lý học đại cương (Introduction to Psychology)

- Số tín chỉ: 02 tín chỉ lý thuyết
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Học xong phần Triết học. Đối với sinh viên nước ngoài: Phải tích lũy các học phần tiếng Việt trung cấp, nâng cao
- Mô tả nội dung môn học: Môn học Tâm lý học đại cương giới thiệu bản chất, nguồn gốc và những quy luật cơ bản của quá trình hình thành, vận hành và phát triển các hiện tượng tâm lý người làm cơ sở cho việc nghiên cứu, vận dụng vào các chuyên ngành Tâm lý học.

15. Môi trường và phát triển (Environment and Development)

- Số tín chỉ: 02 tín chỉ lý thuyết
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước:
- Mô tả nội dung môn học: Đây là môn học nhằm thực hiện nhiệm vụ của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong việc tuyên truyền, giáo dục về môi trường cho sinh viên các trường cao đẳng, đại học. Trong chương trình đào tạo cử nhân Việt Nam học, môn học này thuộc nhóm học phần tự chọn trong khối kiến thức giáo dục đại cương.

Môn học cung cấp kiến thức cơ bản về môi trường, phát triển; làm rõ mối quan hệ giữa phát triển và môi trường để hướng đến nâng cao nhận thức của sinh viên về bảo vệ môi trường.

16. Tiếng Việt trung cấp: Đọc (Intermediate Vietnamese: Reading)

- Số tín chỉ: 05 tín chỉ lý thuyết
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Sinh viên phải có trình độ tiếng Việt cơ sở (tương đương trình độ A2), nắm được một số vốn từ và ngữ pháp tiếng Việt cơ bản.
- Mô tả nội dung môn học:

Môn học thuộc khối “Kiến thức cơ sở ngành”, nằm trong nhóm “Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp” thuộc chương trình đào tạo Cử nhân Việt Nam học quốc tế.

Môn học cung cấp cho sinh viên khối từ vựng ở cấp độ trung cấp và trường nghĩa biểu đạt của chúng theo văn cảnh cùng với các cấu trúc ngữ pháp qua việc đọc – hiểu các văn bản thuộc các chủ đề: “Du học”, “Du lịch và khám phá”, “Món ăn Việt Nam”, “Lễ hội truyền thống”, “Nhân vật và sự kiện”, “Kiến trúc và nhà ở”.

Môn học trau dồi cho sinh viên kỹ năng xử lý, biết cách nắm bắt thông tin cần thiết từ văn bản tiếng Việt, nhằm mở rộng khối kiến thức nền, hỗ trợ cho các môn song hành và làm nền tảng cho các môn nâng cao sau này.

17. Tiếng Việt trung cấp: Nghe (Intermediate Vietnamese: Listening)

- Số tín chỉ: 05 tín chỉ lý thuyết
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Sinh viên phải có trình độ tiếng Việt cơ sở (tương đương trình độ A2), nắm được một số vốn từ và ngữ pháp tiếng Việt cơ bản.
- Mô tả nội dung môn học: Môn học này nhằm cung cấp cho sinh viên những kỹ năng nghe và vận dụng tiếng Việt để giao tiếp về các chủ đề trong cuộc sống hằng ngày như: mua sắm, mô tả đồ vật, đi lại, nghề nghiệp, sức khỏe, v.v. Các bài tập được thiết kế dưới dạng trắc nghiệm chọn a – b – c, đúng – sai, điền vào chỗ trống, sắp xếp tranh ảnh hay đoạn đoạn hội thoại, v.v. Ngoài các loại bài tập cơ bản trên, môn học này còn có các bài tập mở

rộng về phát âm, nghe lại và ôn tập một số mẫu câu cơ bản nhằm giúp sinh viên nghe hiểu và vận dụng vào giao tiếp dễ dàng hơn.

18. Tiếng Việt trung cấp: Nói (Intermediate Vietnamese: Speaking)

- Số tín chỉ: 05 tín chỉ lý thuyết
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Tiếng Việt Sơ cấp.
- Mô tả nội dung môn học: Môn Tiếng Việt Trung cấp - Nói trang bị cho sinh viên năm thứ nhất kỹ năng nói trong các tình huống giao tiếp thông thường. Môn học giới thiệu các phong cách nói khác nhau: lịch sự, thân mật, trang trọng, cung cấp cho người học từ vựng và các cấu trúc ngữ pháp thường xuất hiện trong hội thoại thường ngày, mà người học có thể vận dụng vào quá trình sống và học tập tại Việt Nam. Ngoài ra, môn Tiếng Việt Trung cấp cũng giúp sinh viên làm quen và thực hành một số kỹ năng mềm quan trọng để tiếp tục học lên trình độ nâng cao như kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình.

19. Tiếng Việt trung cấp: Viết (Intermediate Vietnamese: Writing)

- Số tín chỉ: 05 tín chỉ lý thuyết
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Các môn học bắt buộc về kỹ năng tiếng Việt ở bậc cơ sở
- Mô tả nội dung môn học: Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về cơ bản về kỹ năng viết ở mức độ cơ bản như: sử dụng giới từ đi kèm theo các nhóm vị từ; viết được các mẫu câu theo cấu trúc cho sẵn về các đề tài quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày.

Môn học này nhằm rèn luyện kỹ năng viết ở trình độ trung cấp, giúp sinh viên có kiến thức và có kỹ năng sử dụng tiếng Việt hiệu quả trong khi viết những đề tài bình thường, quen thuộc trong cuộc sống.

20. Tiếng Việt nâng cao: Đọc (Advanced Vietnamese: Reading)

- Số tín chỉ: 05 tín chỉ lý thuyết
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Tiếng Việt trung cấp – Đọc, Tiếng Việt trung cấp – Nghe, Tiếng Việt trung cấp – Nói, Tiếng Việt trung cấp – Viết
- Mô tả nội dung môn học: Môn Tiếng Việt nâng cao – Đọc dành cho sinh viên năm thứ nhất – học kỳ 2 hệ chính quy, chương trình Cử nhân, Việt Nam học. Thông qua 6 chủ đề bài học cụ thể về trang phục, gia đình, sức khỏe, âm nhạc, đời sống sinh hoạt, tài chính... giúp cho sinh viên hiểu được các kiến thức cơ bản của môn đọc hiểu với vốn từ vựng về nhiều lĩnh vực khác nhau. Sinh viên biết cách chọn đúng từ vựng muốn diễn đạt trong việc đặt câu phù hợp với ngữ cảnh. Phân tích được nét nghĩa khác biệt của nhóm từ vựng gần nghĩa nhằm đạt được hiệu quả cao trong việc đọc hiểu và phân tích nghĩa của bài đọc. Trang bị cho sinh viên có những hiểu biết về cách đọc-hiểu một bài đọc tiếng Việt hoàn chỉnh, trình bày được nội dung và chủ đề của bài đọc. Đồng thời tiếp nhận được thông tin của bài đọc với cách tiếp cận bằng các kỹ năng đọc được học, nhanh và chính xác hơn.

21. Tiếng Việt nâng cao: Nghe (Advanced Vietnamese: Listening)

- Số tín chỉ: 05 tín chỉ lý thuyết
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Tiếng Việt trung cấp – Nghe
- Mô tả nội dung môn học:

- Môn học thuộc vị trí trung gian giữa trình độ trung cấp và trình độ tiếng Việt học thuật, hoàn thiện kỹ năng nghe ở trình độ trung cấp và chuẩn bị cho trình độ tiếng Việt học thuật.

- Môn học giúp sinh viên phát triển kỹ năng nghe tiếng Việt ở trình độ nâng cao qua phong cách ngôn ngữ báo chí, truyền thông. Sinh viên được tiếp cận tiếng Việt qua các đề tài phù hợp với trình độ như chính trị, xã hội, kinh tế, giáo dục, khoa học-công nghệ, văn hóa, nghệ thuật... Đồng thời, môn học cũng phát huy toàn diện khả năng tiếng Việt của sinh viên qua việc kết hợp kỹ năng nghe với các kỹ năng đọc, nói, viết.

22. Tiếng Việt nâng cao: Nói (Advanced Vietnamese: Speaking)

- Số tín chỉ: 05 tín chỉ lý thuyết
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Tiếng Việt trung cấp – Nói
- Mô tả nội dung môn học: Môn học thuộc khối “Kiến thức cơ sở ngành”, nằm trong nhóm “Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp” thuộc chương trình đào tạo Cử nhân Việt Nam học quốc tế.

Môn học cung cấp cho sinh viên khối từ vựng ở cấp độ nâng cao và trường nghĩa biểu đạt cũng như các trạng thái biểu đạt nghĩa của chúng qua cách nói, ngữ điệu, ..., kết hợp với các cấu trúc ngữ pháp tập trung trong các chủ đề: “Mơ ước”, “Nghề nghiệp”, “Phương tiện giao thông”, “Cuộc sống nông thôn và thành thị”, “Thể thao”, “Phong tục tập quán”.

Trau dồi cho sinh viên kỹ năng diễn đạt bằng lời, kết hợp việc vận dụng sắc thái biểu đạt bằng các đại từ cuối câu, ngữ điệu; chỉnh sửa phát âm hướng tới một kỹ năng diễn đạt lời nói đúng về phát âm, ngữ pháp đi kèm với ngữ điệu, sắc thái phù hợp cảm xúc, tình huống.

Môn học hướng sinh viên đến nhận thức cần vận dụng các kiến thức của môn học trước và các môn học song hành về từ vựng, ngữ pháp, cách thức biểu đạt của người Việt... vào việc thực hiện một cuộc hội thoại hoặc diễn đạt ý cho một bài thuyết trình, làm cơ sở để từng bước nâng cao kỹ năng thuyết trình.

23. Tiếng Việt nâng cao: Viết (Advanced Vietnamese: Writing)

- Số tín chỉ: 05 tín chỉ lý thuyết
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Các môn học bắt buộc về kỹ năng tiếng Việt ở bậc trung cấp
- Mô tả nội dung môn học:

- Đây là môn học rèn luyện kỹ năng viết cho sinh viên nước ngoài theo học chương trình đại học Việt Nam học. Môn học này là một trong những phương tiện cần yếu (cùng với kỹ năng Nói, Nghe, Đọc) để sinh viên có thể tiếp thu và thực hành những kiến thức ngành Việt Nam học.

- Môn học này tiếp theo và nâng cao chương trình viết trung cấp đã cung cấp ở học kỳ trước;

- Môn học này cung cấp từ vựng và các biểu thức ngữ pháp, thông qua một số bài viết mẫu, về các đề tài quen thuộc trong cuộc sống. Từ đó giúp sinh viên thực hành viết và xây dựng văn bản hoàn chỉnh theo ý tưởng riêng của mình.

- Môn học này cung cấp các nhóm vị từ đòi hỏi giới từ đi kèm (các giới từ như qua, lại, sang, cho, theo, v.v.) nhằm hoàn chỉnh kỹ năng viết câu cho sinh viên.

- Môn học này nhằm rèn luyện kỹ năng viết ở trình độ nâng cao, giúp sinh viên hoàn chỉnh kỹ năng sử dụng tiếng Việt hiệu quả trong khi viết những đề tài quen thuộc trong cuộc sống.

24. Tiếng Việt học thuật: Đọc (Academic Vietnamese: Reading)

- Số tín chỉ: 05 tín chỉ lý thuyết
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Tiếng Việt nâng cao – Đọc.
- Mô tả nội dung môn học: Môn Tiếng Việt học thuật – Đọc dành cho sinh viên năm thứ 2 hệ chính quy, chương trình Cử nhân, ngành Việt Nam Học. Môn học này cung cấp 5 bài đọc ngắn về môi trường, kỹ thuật, tự nhiên (phong cách báo chí) và 5 bài đọc dài về khoa học xã hội (phong cách khoa học) để giúp sinh viên tiếp cận và lĩnh hội các văn bản thuộc thể loại này.

Ngoài ra, ở mỗi đơn vị bài giảng còn có những bài đọc thêm tương tự để sinh viên thực hành. Sau mỗi bài, sinh viên phải tự tìm những văn bản có đề tài hoặc chủ đề tương tự và trao đổi theo nhóm.

25. Tiếng Việt học thuật: Nghe (Academic Vietnamese: Listening)

- Số tín chỉ: 05 tín chỉ lý thuyết
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Tiếng Việt nâng cao
- Mô tả nội dung môn học: Tiếng Việt học thuật: Nghe là môn học cơ sở của ngành Việt Nam học nhằm giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng nghe tiếng Việt theo các chủ đề học thuật như chính trị, giáo dục, xã hội, y học, khoa học, môi trường, văn hóa, v.v.

26. Tiếng Việt học thuật: Nói (Academic Vietnamese: Speaking)

- Số tín chỉ: 05 tín chỉ lý thuyết
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Tiếng Việt nâng cao: Nói, tiếng Việt nâng cao: Đọc, Tiếng Việt nâng cao: Viết.
- Mô tả nội dung môn học: Môn Tiếng Việt học thuật - Nói được sắp xếp ở học kỳ thứ 3 (học kỳ 1, năm thứ 2) nhằm giúp sinh viên nâng cao các kỹ năng nói mang tính học thuật như kỹ năng phỏng vấn, thảo luận, thuyết trình. Các chủ đề được đưa ra trong môn học nhằm phục vụ trực tiếp cho mục đích gồm nhiều lĩnh vực như văn hóa, kinh tế, xã hội, khoa học, kỹ thuật. Qua đó, sinh viên sẽ được cung cấp vốn từ vựng chuyên ngành/học thuật và các điểm ngữ pháp tương ứng với trình độ tiếng Việt cao cấp. Ngoài ra, sinh viên cũng được rèn luyện cách trình bày, phát biểu ý kiến, trao đổi ý kiến trong các buổi hội thảo hoặc sinh hoạt khoa học.

27. Tiếng Việt học thuật: Viết (Academic Vietnamese: Writing)

- Số tín chỉ: 05 tín chỉ lý thuyết
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Các môn học bắt buộc về kỹ năng tiếng Việt ở bậc nâng cao
- Mô tả nội dung môn học:

- Đây là môn học rèn luyện kỹ năng viết cho sinh viên nước ngoài theo học chương trình đại học Việt Nam học. Môn học này là một trong những phương tiện cần yếu (cùng với kỹ năng Nói, Nghe, Đọc) để sinh viên có thể tiếp thu và thực hành những kiến thức ngành Việt Nam học.

- Môn học này tiếp theo và nâng cao chương trình viết nâng cao đã cung cấp ở học kỳ trước;

- Môn học này cung cấp các nhóm vị từ đòi hỏi giới từ đi kèm (các giới từ như qua, lại, sang, cho, theo, v.v.) nhằm hoàn chỉnh kỹ năng viết câu cho sinh viên.

- Môn học này giúp sinh viên tập xây dựng và hoàn chỉnh một văn bản ngắn dựa vào những thông tin cho sẵn.

- Môn học này cung cấp một số bài viết mẫu, mẫu câu, phương tiện liên kết để giúp sinh viên thực hành sử dụng các phương tiện liên kết đoạn văn, xây dựng đề cương chi tiết và viết một văn bản hoàn chỉnh về một đề tài cho trước theo phong cách khoa học, chính luận.

- Môn học này nhằm rèn luyện kỹ năng viết ở trình độ cao, giúp sinh viên có kiến thức và có kỹ năng sử dụng tiếng Việt hiệu quả trong khi học các môn học chuyên ngành khác và trong khi làm khóa luận, báo cáo khoa học.

28. Nhập môn khu vực học và Việt Nam học (Introduction to Area and Vietnamese Studies)

- Số tín chỉ: 02 tín chỉ lý thuyết
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Tiếng Việt học thuật
- Mô tả nội dung môn học: Nhập môn Khu vực học và Việt Nam học là môn học chuyên ngành bắt buộc giúp sinh viên trang bị những kiến thức nền tảng về khu vực học và Việt Nam học, đồng thời giới thiệu một số phương pháp và lý thuyết nghiên cứu cơ bản của chuyên ngành cũng như tình hình giảng dạy và nghiên cứu về Việt Nam trong nước và trên thế giới.

29. Nhập môn Đất nước Việt Nam (Introduction to Vietnam)

- Số tín chỉ: 02 tín chỉ lý thuyết
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Tiếng Việt học thuật
- Mô tả nội dung môn học: Nhập môn Đất nước Việt Nam là môn học cơ sở có tính chất giới thiệu khái quát về đất nước Việt Nam cho sinh viên quốc tế theo học ngành Việt Nam học trong năm học thứ hai của chương trình. Nội dung môn học gồm giới thiệu chung về nhận biết đất nước, lãnh thổ Việt Nam; giúp người học hiểu được về địa lý tự nhiên, hành chính của các tỉnh thành Việt Nam; tình hình dân cư, dân tộc, những đặc điểm kinh tế, văn hóa của người Việt Nam. Những kiến thức môn học giúp sinh viên có kiến thức, hiểu biết về tất cả các tỉnh thành, các vùng miền trên lãnh thổ Việt Nam, từ đó có những trải nghiệm trong du lịch, lựa chọn nơi làm việc, hoặc tham gia phục vụ cộng đồng trong thời gian học tập, sinh sống và làm việc ở Việt Nam.

30. Ẩm thực, trang phục Việt Nam (Vietnamese Food and Costumes)

- Số tín chỉ: 02 tín chỉ lý thuyết
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Văn hóa Việt Nam 1
- Mô tả nội dung môn học: Môn học cung cấp kiến thức về văn hóa ẩm thực, trang phục, là ba thành tố của tổng thể văn hóa tộc người, giúp nghiên cứu đặc trưng văn hóa tộc người, văn hóa vùng, văn hóa một đất nước, văn hóa một thời đại... qua tiếp cận các lý thuyết Văn hóa bảo đảm đời sống (Life sustaining culture), lý thuyết Tương đối văn hóa (Cultural

relativism), lý thuyết Chức năng (Functionalism), và các khái niệm khoa học: Giao lưu tiếp biến văn hoá (Acculturation), Ẩm thực học (Gastronomy). Bên cạnh đó, môn học còn cung cấp kiến thức về các chức năng của ẩm thực, trang phục như chức năng chức năng thích nghi với môi trường tự nhiên, chức năng giao tiếp, chức năng tôn giáo tín ngưỡng, chức năng kinh tế, v.v, tìm hiểu đặc trưng của văn hoá ẩm thực, trang phục của người Việt ở cả 3 miền Bắc, Trung, Nam tại Việt Nam.

31. Văn hoá giao tiếp Việt Nam (Vietnamese Communication Culture)

- Số tín chỉ: 02 tín chỉ lý thuyết
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Tiếng Việt học thuật
- Mô tả nội dung môn học: Môn học thuộc khối kiến thức chung của ngành - nhóm học phần bắt buộc, được dạy vào học kỳ thứ bảy trong chương trình đào tạo ngành Việt Nam học. Nội dung môn học bao gồm tổng quan về văn hóa ứng xử, văn hóa ứng xử trong gia đình, văn hóa ứng xử thể hiện trong môi trường xã hội, văn hóa ứng xử thể hiện trong môi trường thiên nhiên và thế giới siêu nhiên. Ngoài ra, môn học còn giới thiệu so sánh thêm một số nét về văn hóa ứng xử đặc trưng của một số dân tộc tại Việt Nam cũng như so sánh một số nét văn hóa ứng xử của những quốc gia có sinh viên theo học.

32. Đại cương văn học Việt Nam (Introduction to Vietnamese Literature)

- Số tín chỉ: 03 tín chỉ lý thuyết
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Văn học dân gian Việt Nam
- Mô tả nội dung môn học: Môn học thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, là một trong những môn học bắt buộc thuộc nhóm kiến thức chung của ngành. Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quát về lịch sử văn học Việt Nam qua việc cung cấp những nội dung chủ yếu: Nguồn gốc – đặc điểm của lịch sử văn học Việt Nam, ý nghĩa truyền thống của Văn học Việt Nam; Văn học Việt Nam thời Trung đại (Những biến động lịch sử tác động mạnh mẽ đến văn học Việt Nam, Những đặc điểm cơ bản và những tác giả tác phẩm tiêu biểu của văn học thời kỳ này: Nguyễn Trãi, Nguyễn Du); Văn học Việt Nam hiện đại (Văn học Việt Nam từ đầu thế kỷ XX đến 1945, Văn học Việt Nam từ 1945 đến 1975 và Văn học Việt Nam sau 1975, đặc biệt trong 10 năm đổi mới).

33. Văn học dân gian Việt Nam (Vietnamese Folk Literature)

- Số tín chỉ: 02 tín chỉ lý thuyết
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: sinh viên phải học xong các môn kỹ năng tiếng Việt, có đủ vốn tiếng Việt để có thể tiếp thu bài giảng và cảm thụ được tác phẩm văn học dân gian
- Mô tả nội dung môn học: Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn học dân gian Việt Nam: *Khái niệm Văn học dân gian, Những đặc trưng cơ bản của Văn học dân gian và hệ thống thể loại phong phú của Văn học dân gian Việt Nam*. Ở mỗi nhóm thể loại (*Nhóm tự sự dân gian, nhóm trữ tình dân gian, nhóm các thể loại sân khấu dân gian, nhóm thể loại khoa học thường thức – triết lý dân gian*), môn học giúp sinh viên hiểu những đặc điểm về nội dung và nghệ thuật của các thể loại: *truyện thần thoại, truyền thuyết, cổ tích, truyện cười, ngụ ngôn; tục ngữ, ca dao dân ca, tuồng, chèo* qua phân tích, tìm hiểu những tác phẩm tiêu biểu.

34. Liên kết và soạn thảo văn bản tiếng Việt (Vietnamese Connectives and Writing)

- Số tín chỉ: 02 tín chỉ lý thuyết
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Tiếng Việt Trung cấp / Nâng cao / Học thuật

- Mô tả nội dung môn học:
 - Môn học thuộc "Kiến thức ngành", nằm trong nhóm "Kiến thức chung của ngành - Nhóm các học phần bắt buộc" trong chương trình đào tạo.
 - Môn học dành cho sinh viên năm thứ ba, học kỳ 1, chương trình Cử nhân Việt Nam học.
 - Môn học rèn luyện kỹ năng Liên kết văn bản và Soạn thảo văn bản Tiếng Việt. Sau khi đã hoàn thành các học phần tiếng Việt từ trung cấp, nâng cao đến học thuật, sinh viên đến với môn học này trong mục đích rèn luyện kỹ năng tiếp cận và xây dựng một văn bản. Môn học rèn luyện cho sinh viên kỹ năng thực hiện các kiểu liên kết trong văn bản, từ đó, tùy vào phong cách chức năng, sinh viên có thể tạo lập được một văn bản thuộc văn bản hành chính, văn bản khoa học, văn bản báo chí, văn bản chính luận, văn bản nghệ thuật.

35. Ngữ pháp tiếng Việt (Vietnamese Grammar)

- Số tín chỉ: 03 tín chỉ lý thuyết
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Các môn kỹ năng tiếng Việt (Nói, Nghe, Đọc, Viết)
- Mô tả nội dung môn học:
 - Môn học này giới thiệu một cách hệ thống ngữ pháp tiếng Việt xét trên bình diện từ loại và ngữ đoạn. Xuất phát từ ngữ đoạn – đơn vị trực tiếp tham gia cấu tạo câu – sinh viên sẽ tìm hiểu các loại ngữ đoạn khác nhau trên cơ sở các quan hệ ngữ pháp và thuộc tính ngữ pháp của các thành tố tham gia ngữ đoạn, tức các vấn đề về từ loại. Và sau đó, sinh viên sẽ tìm hiểu hoạt động của các ngữ đoạn trong câu, tức là khi nó đảm đương một chức vụ ngữ pháp trong câu. Ngoài ra, sinh viên cũng sẽ được tìm hiểu các vấn đề liên quan đến tình thái: ý nghĩa của tình thái câu, những yếu tố tình thái làm thành đề của câu, những yếu tố tình thái được xử lý như phần thuyết của câu và những yếu tố tình thái khác của câu.
 - Môn học này giúp sinh viên hiểu và sử dụng tiếng Việt chuẩn xác hơn.
 - Môn học này giúp sinh viên có cái nhìn đối chiếu giữa ngữ pháp tiếng Việt với tiếng mẹ đẻ hoặc các ngôn ngữ khác.
 - Môn học này giúp sinh viên hiểu được văn hóa và cách tư duy của người Việt thông qua ngôn ngữ.

36. Thực tế (Field Trip)

- Số tín chỉ: 03 tín chỉ thực hành
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước:
- Mô tả nội dung môn học:
 - Đợt thực tế nhằm giúp sinh viên nước ngoài tiếp xúc thực tế tại các cơ sở, thực hành tìm hiểu về văn hóa - lịch sử, về các làng nghề truyền thống, về đời sống ẩm thực, nét sinh hoạt của người dân Việt Nam, tạo điều kiện để sinh viên học tập phương pháp điều tra thực tế, phỏng vấn bằng tiếng Việt, thu thập tư liệu, viết báo cáo khoa học.
 - Ngoài ra, đợt thực tế còn là dịp để các sinh viên nước ngoài ngành Việt Nam học trau dồi và nâng cao kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Việt của mình. Đặc biệt, đây cũng là dịp để sinh viên có thể hiểu hơn về văn hóa Việt Nam, đồng cảm với cuộc sống của những người lao động Việt Nam; góp phần giáo dục nhân cách và lối sống cho sinh viên đang theo học tại Khoa Việt Nam học.

- Kết quả của học phần thực tế này là một trong những điều kiện bắt buộc để sinh viên được xét cấp bằng tốt nghiệp theo quy định của chương trình đào tạo.

37. Thực tập hướng nghiệp (Internship)

- Số tín chỉ: 03 tín chỉ thực hành
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước:
- Mô tả nội dung môn học: Thực hiện nguyên lý đào tạo gắn liền nhà trường với xã hội, lý luận với thực tiễn, thông qua nghiên cứu khảo sát và thực hành về công tác văn thư ở các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp (sau đây gọi chung là cơ quan) để giúp sinh viên củng cố kiến thức đã học, nâng cao năng lực vận dụng lý luận vào thực tiễn, rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp. Sinh viên rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong làm việc của người cán bộ, công chức, viên chức hiện đại.

38. Hệ thống chính trị Việt Nam hiện đại (Modern Political System of Vietnam)

- Số tín chỉ: 02 tín chỉ lý thuyết
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam
- Mô tả nội dung môn học: Môn học cung cấp những nội dung kiến thức chung về lịch sử phát triển của hệ thống chính trị Việt Nam thời hiện đại kể từ khi Nhà nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa được thành lập (năm 1945) đến nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay: cơ cấu hệ thống, đặc điểm loại hình, quá trình phát triển của hệ thống chính trị Việt Nam. Môn học cũng giới thiệu vai trò, vị trí, chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức trong hệ thống chính trị Việt Nam hiện đại, đồng thời chỉ ra những đòi hỏi khách quan của việc đổi mới hệ thống chính trị trước yêu cầu mới của sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa VN hiện nay.

39. Mỹ thuật, âm nhạc Việt Nam (Vietnamese Music and Fine arts)

- Số tín chỉ: 02 tín chỉ lý thuyết
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Nhập môn khu vực học và Việt Nam học, Nhập môn Đất nước Việt Nam, Di tích và thắng cảnh Việt Nam, Văn hoá ứng xử Việt Nam
- Mô tả nội dung môn học:
 - Môn Mỹ thuật, Âm nhạc Việt Nam được sắp xếp ở học kỳ thứ 7 (học kỳ 1, năm thứ 4) nhằm giúp sinh viên có được những kiến thức tổng quan về lịch sử hình thành và phát triển của Mỹ thuật và Âm nhạc Việt Nam qua các thời kỳ. Các nội dung được thiết kế cho môn học nhằm phục vụ trực tiếp cho mục đích này như: Mỹ thuật và âm nhạc Việt Nam thời nguyên thủy và thời kỳ dựng nước; Mỹ thuật và âm nhạc Việt Nam thời phong kiến; Mỹ thuật và âm nhạc Việt Nam thời cận đại (cuối thế kỷ XX đến 1945); Mỹ thuật và âm nhạc Việt Nam từ 1975 đến nay.
 - Ngoài việc cung cấp cho sinh viên cái nhìn toàn cảnh về lịch sử phát triển, môn học cũng cho sinh viên thấy được những đặc trưng riêng của mỗi thời kỳ, những danh họa, những nhạc sĩ Việt Nam được thế giới biết đến. Sinh viên bước đầu cảm nhận được vẻ đẹp thiên nhiên, đất nước, con người Việt Nam qua các sản phẩm mỹ thuật và âm nhạc, từ đó hiểu thêm về sự tiếp biến và giao lưu văn hoá trong khu vực, đồng thời có thái độ tôn trọng đối với sự khác biệt văn hoá.

40. Di tích và thắng cảnh Việt Nam (Vietnamese Monuments and Landscapes)

- Số tín chỉ: 02 tín chỉ lý thuyết

- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: *Cơ sở văn hoá Việt Nam*
- Mô tả nội dung môn học: Môn học thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, là một trong những môn học bắt buộc thuộc nhóm kiến thức chung của ngành. Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quát về di tích và thắng cảnh Việt Nam, bao gồm các di tích lịch sử, di tích văn hóa và danh thắng ở cả ba miền Bắc, Trung Nam của Việt Nam, đặc biệt ở Thủ đô Hà Nội và các thành phố: Huế, Thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng. Môn học cũng đề cập đến vấn đề nghiên cứu, trùng tu và các giải pháp bảo tồn, phát triển các di tích, danh thắng ở Việt Nam nhằm phục vụ cho quá trình phát triển kinh tế xã hội, nhất là phát triển ngành du lịch.

41. Lý thuyết dịch (Translation Theory)

- Số tín chỉ: 02 tín chỉ lý thuyết
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: tiếng Việt trung cấp, tiếng Việt nâng cao, tiếng Việt học thuật.
- Mô tả nội dung môn học:
 - Vị trí của môn học đối với chương trình đào tạo Việt Nam học: môn “Lý thuyết dịch” được giảng dạy vào học kỳ 8 trong chương trình đào tạo Việt Nam học nên các sinh viên ngành Việt Nam học có khả năng vận dụng các kiến thức trong các môn học trước để ứng dụng vào bộ môn này, qua đó thể hiện được khả năng làm phiên dịch cho các cuộc tiếp xúc, hội thảo của cơ quan hoặc biên dịch các tài liệu về các vấn đề liên quan đến kinh tế, chính trị, xã hội...
 - Môn học này cung cấp những kiến thức cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu dịch thuật nhằm giúp sinh viên vận dụng được các phương pháp, các kỹ năng và một số thủ thuật cũng như nguyên tắc trong dịch thuật.
 - Nội dung chính của môn học: nội dung môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về lý thuyết dịch thuật, gồm những khái niệm cần biết, những thủ pháp trong dịch thuật cũng như vấn đề lỗi thường thấy trong dịch thuật. Ngoài ra, nội dung môn học còn bao gồm các kỹ năng hữu ích trong quá trình dịch. Phần cuối môn học cung cấp một số vấn đề cần ghi nhớ giúp sinh viên thực hành dịch thuật một cách hiệu quả.

42. Biên phiên dịch tiếng Việt 1 (Vietnamese translation 1)

- Số tín chỉ: 02 tín chỉ lý thuyết
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Tiếng Việt trình độ B2, sinh viên có những kiến thức cơ bản về tiếng Việt, về đất nước, con người Việt Nam
- Mô tả nội dung môn học: Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức về tiếng Việt, cách biên phiên dịch từ tiếng mẹ đẻ sang tiếng Việt và ngược lại theo mức độ từ dễ đến khó, từ cách dịch từ đến dịch câu và đoạn văn ngắn. Đồng thời, môn học cũng trang bị cho sinh viên một số kiến thức về văn hóa Việt Nam giúp ích cho việc biên phiên dịch được chính xác, phù hợp với ngữ cảnh và văn hóa Việt Nam.

43. Biên phiên dịch tiếng Việt 2 (Vietnamese translation 2)

- Số tín chỉ: 02 tín chỉ lý thuyết

- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Tiếng Việt trình độ B2, sinh viên có những kiến thức cơ bản về tiếng Việt, về đất nước, con người Việt Nam, sinh viên đã học môn Biên phiên dịch 1

- Mô tả nội dung môn học: Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức về kỹ năng biên phiên dịch, kiến thức về ngôn ngữ (tiếng Việt) theo mức độ từ dễ đến khó. Đồng thời, môn học cũng trang bị cho sinh viên một số kiến thức về văn hóa Việt Nam giúp ích cho việc biên phiên dịch được chính xác, phù hợp với ngữ cảnh và văn hóa Việt Nam.

44. Tiếng Việt trong những vấn đề đương đại (Vietnamese in contemporary matters)

- Số tín chỉ: 02 tín chỉ lý thuyết

- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Phong cách học thực hành tiếng Việt, Tiếng Việt thương mại

- Mô tả nội dung môn học: Môn “Tiếng Việt trong những Vấn đề Đương đại” thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành, trong chương trình đào tạo 2+2 hệ Cử nhân ngành Việt Nam học. Môn học được thiết kế nhằm đáp ứng các mục tiêu của chương trình đào tạo - trang bị vốn từ vựng tiếng Việt liên quan đến các lĩnh vực thực tiễn trong đời sống hiện đại; trang bị các kỹ năng mềm, như: kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, v.v. là các kỹ năng cần thiết để làm việc trong môi trường chuyên nghiệp, đồng thời trau dồi vốn ngôn ngữ và kiến thức về văn hoá, xã hội Việt Nam để người học có thể sống và làm việc ở Việt Nam. Môn học cũng ưu tiên xây dựng cho người học một hệ thống phương pháp hỗ trợ cho việc tự học và việc tự nghiên cứu của người học trong tương lai.

45. Tiếng Việt thương mại (Business Vietnamese)

- Số tín chỉ: 02 tín chỉ lý thuyết

- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Tiếng Việt nâng cao, Tiếng Việt học thuật

- Mô tả nội dung môn học: Thông qua các chủ đề cụ thể của môn học cung cấp cho sinh viên có kiến thức cơ bản về lĩnh vực thương mại nói chung và hoạt động kinh doanh ở Việt Nam nói riêng, môn học này sẽ giúp cho sinh viên nước ngoài làm quen và hiểu được các thuật ngữ, các khái niệm liên quan đến lĩnh vực thương mại. Đồng thời cung cấp một số kiến thức cơ bản về hoạt động đầu tư, kinh doanh theo thông lệ quốc tế. Hơn nữa, trang bị cho sinh viên kỹ năng viết về một vấn đề kinh tế bằng tiếng Việt như: soạn thảo hợp đồng thương mại, soạn thảo thư giao dịch..., sử dụng thành thạo các thuật ngữ thương mại và biết cách tổ chức và điều hành các dự án thương mại.

46. Ngữ âm tiếng Việt (Vietnamese Phonetics)

- Số tín chỉ: 02 tín chỉ lý thuyết

- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Tiếng Việt học thuật

- Mô tả nội dung môn học: Môn học thuộc hệ thống các môn lý thuyết về ngôn ngữ học và tiếng Việt. Môn học giới thiệu khái quát về ngữ âm học, âm vị học, hệ thống ngữ âm tiếng Việt, các giải pháp âm vị học cho hệ thống ngữ âm và chữ viết tiếng Việt.

Sau khóa học, sinh viên nắm được các khái niệm liên quan đến ngữ âm học và âm vị học, nắm được hệ thống ngữ âm tiếng Việt, tự điều chỉnh và sửa lỗi phát âm tiếng Việt của mình, có thể mô tả hệ thống ngữ âm tiếng Việt trong việc giảng dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ. Ngoài ra, lý thuyết về ngữ âm học còn giúp sinh viên ứng dụng để phân tích, mô tả hệ thống ngữ âm của tiếng mẹ đẻ hay của một ngôn ngữ, ứng dụng trong việc dạy tiếng.

47. Ngữ dụng học tiếng Việt (Vietnamese Pragmatics)

- Số tín chỉ: 02 tín chỉ lý thuyết
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Ngữ pháp, ngữ nghĩa
- Mô tả nội dung môn học: Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về ngữ dụng học nói chung, ngữ dụng học tiếng Việt (Dụng học Việt ngữ) nói riêng.

Ngoài ra, môn học cũng cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ sở về ngữ dụng học để có thể vận dụng hiệu quả vào việc viết/nói và giải thích các vấn đề ngữ dụng của câu tiếng Việt.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA